

Số : 12-26/CB-E.C.C

Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2026

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	
Số:	50627
Ngày:	13/8/26
Chuyên:	C.C.C
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 2825/SXD-CCGĐXD ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng về việc triển khai, công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 020099488 đăng ký lần đầu ngày 09/10/2009, đăng ký sửa đổi lần thứ 4 ngày 04/11/2022, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ cũ: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện pháp luật: VŨ VĂN LỢI Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 094 8886565 Email: vuvanloi36@gmail.com

Mã số thuế: 020099488

Website: <https://eccjsc.com>

1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

Địa chỉ: Km54 Quốc lộ 10 Thôn Mai Sơn, xã Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Trạm trưởng: ĐẶNG VĂN PHƯƠNG

Điện thoại: 097 7980694

Email: vuvanloi36@gmail.com

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Cán bộ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
1.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C143; AASHTO T119; ASTM C94; EN 12350-2:09; JIS A1101:05	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ đo thời gian, thước đo	- Vũ Văn Thắng - Mạc Tất Phú
2.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121; EN 12350-6:09; JIS A116:05	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g, bếp điện, thùng nấu paraffin, tủ sấy 200°C.	- Vũ Văn Thắng - Mạc Tất Phú
3.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993; ASTM C232; AASHTO T158; EN12350-4:09; EN480-4:96; JIS A1123:10	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng/phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C; Khay sắt.	- Vũ Văn Thắng - Mạc Tất Phú
4.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; ASTM C642; EN 12390-7:09	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thước đo (vạch chia 1mm), Tủ sấy (105±5)°C, Bình hút ẩm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga
5.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; AASHTO T22; ASTM C39; ASTM C42; AASHTO T140; EN 12390:09; EN 12504-1:09; JIS A1108:06; JIS A1107:12; AASHTO T23; AASHTO T141	Máy nén, Thước đo (vạch chia 1mm), Thước góc, đệm truyền tải, Đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đến 1s	- Vũ Văn Thắng - Đặng Văn Phương
6.	Xác định cường độ lăng trụ và modul đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại	- Vũ Văn Thắng - Đặng Văn Phương
Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa				
7.	Thành phần cỡ hạt, môđun độ lớn	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; EN 933-1:12; JIS A 1102:06; AASHTO T127:11;	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Máy lắc sàng, Tủ sấy (105 ± 5)°C	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan

		AASHTO T27		
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO 84:10; ASTM C127:12; AASHTO 84:10; AASHTO C128:12; AASHTO T85:10; EN 1097-6:00; EN 1097-7:08; JIS 1110:06; JIS 1111:06	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cần kỹ thuật chính xác 0,01g, Cần thủy tinh chính xác 1%, và gió đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C
9.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127:12; AASHTO T85:10; EN 1097-6:00; EN 1097-7:08; JIS 1110:06	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cần kỹ thuật chính xác 0,01g, Cần thủy tinh chính xác 1%, và gió đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C
10.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hông	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29:09; AASHTO T19:99; EN 1097-3:98; EN 1097-3:08; JIS A1104:06	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cần kỹ thuật chính xác 0,01g, Cần thủy tinh chính xác 1%, và gió đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C
11.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; EN 1097-5:08; ASTM C566:97(04); JIS A1125:07; AASHTO T255:00(08)	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cần kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Dụng cụ dao mẫu
12.	Xác định cường độ và hệ số hòa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938:95(2); JIS M0302:00	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Tuyết Mai	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu
13.	Xác định hàm lượng hạt thời dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; EN 933-3:12; AASHTO T335; EN 933-4:08; EN 933-5:98	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cần kỹ thuật chính xác 0,01g, Thước kẹp cái tiên, Bộ sàng, Tủ sấy
14.	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D 2419-91; AASHTO T176	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Sàng, cân, tủ sấy...
15.	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn, thô	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304; T326	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Ông đồng, phễu, tấm kính, khay, dao gạt, cân
Thử nghiệm vữa xây dựng				
16.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003; ASTM C109-11B; EN 445:07; EN 1015-11:99	- Vũ Văn Thăng - Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khuôn, Chày đầm mẫu, Tủ dưỡng hồ mẫu, Tấm kính, Máy thử uốn, Máy nén
Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng				
17.	Xác định thành phần cốt hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88-10; AASHTO T27-11; ASTM C136-06; ASTM D1140-00; JIS A1204; ASTM D422-62(02)	- Nguyễn Văn Canh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan	Bộ sàng, cân kỹ thuật, Tủ sấy 300°C, máy lắc sàng, nhiệt kế, bình hút ẩm, máy nghiền đất, bình phun tia, nước cát, dụng cụ trộn mẫu
18.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937-71	- Nguyễn Văn Canh - Nguyễn Thị	Dao vòng, cân kỹ thuật độ chính xác 0,1%, tủ sấy

				Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
19.	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333-2006	Cối nhỏ ,cối lớn , Chày đầm tiêu chuẩn; Chày đầm cải tiến, chày đầm cơ khí, dụng cụ tháo mẫu, Cân chính xác $\pm 1g$, cân chính xác $\pm 0,01g$, Tủ sấy, sàng lỗ vuông 4,75mm ; 19 mm	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
20.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	22TCN332-2006; TCVN 8821 : 2011; AASHTO – T193; ASTM D1883	Tủ sấy, cân, thiết bị gia tải, sàng, cối, đồng hồ đo biến dạng...	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
21.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời, sàng	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kiểm tra vật liệu kim loại và liên kết hàn				
22.	Thử kéo	TCVN 197:2002; (ISO 6892:1998); AASHTO T244; ASTM A370; JIS Z2241:1998	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp và thước cuộn	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
23.	Thử uốn	TCVN 198:2008; (ISO 7438:2005); JIS Z 2248:1996	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp và thước cuộn	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
24.	Thép dùng cho bê tông cốt thép – PP thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ...)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
25.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo thép	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
26.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
27.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
28.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 5401:2010	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
29.	Cốt thép – Phương pháp uốn và uốn lại	TCXD 224:1998	Máy uốn cốt thép; thiết bị uốn lại; dưỡng uốn; thước đo; thước cặp; thiết bị gia nhiệt (nếu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai

			cần); dụng cụ kẹp giữ mẫu.	
30.	Thử kéo Bu lông – Đai ốc trên đệm nghiêng	TCVN 1916-1995; ASTM A370:2002	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng ...	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
31.	Thử nghiệm ống kim loại	ASTM A53	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng ...	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
32.	Thử mối nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 8163:2009	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng ...	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
33.	Thử tính chất cơ học đối với thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực; lưới thép hàn	TCVN 7937:2009; ASTM A 370:94; A416:93; TCVN 9391:2012; TCVN 6288:1997	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng ...	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
34.	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:10	Máy kéo vạn năng và thiết bị kèm theo	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
35.	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256-1:01; TCVN 257-1:01	Máy kéo vạn năng, mũi thử...	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
36.	Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhôm (Xác định độ bền kéo; độ giãn dài tương đối; độ cứng; dạng Profin và dung sai kích thước)	TCXDVN 330-04	Máy kéo vạn năng, thước kẹp ...	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
Thử nghiệm Bentonite				
37.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017; ASTM D4380	Dụng cụ cân tỷ trọng	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
38.	Xác định độ nhớt	TCVN 11893:2017; ASTM D6910	Phễu, sàng, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
39.	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017; ASTM D4381	Bộ xác định hàm lượng cát, sàng, phễu, bình đo	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
Thử nghiệm hiện trường				
40.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8730:2012; AASHTO T204	Cân chính xác 1g, Sàng 5mm, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông, dụng cụ đốt ẩm hiện trường	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
41.	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng	22TCN 346:06; TCVN 8730:2012; AASHTO T191; ASTM D1556	Bộ phễu rót cát, Cân 15kg, Các dụng cụ khác(dao, đục, thìa, xô	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng

	phương pháp rót cát		có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông, dụng cụ đốt ẩm hiện trường	- Nguyễn Thị Tuyết Mai
42.	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, Đồng hồ SO, cát sạch, thước nivo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
43.	Phương pháp xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Cảm biến, đồng hồ, kích thủy lực, tấm ép, giàn chất tải...	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
44.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trực	TCVN 9393:2012; ASTM D1143, D3689	Kích, bơm thủy lực, tấm đệm dầu cọc, đầu kích bằng thép, đồng hồ đo, tải trọng...	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
45.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950-98; ASTM E1082-90(02)	Thước thẳng 3m; Nêm đo khe hở (chêm); Thước lá hoặc thước đo khe; Bút đánh dấu	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
46.	Xác định modul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; AASHTO T256-77; ASTM D4685-96	Cần Benkelman; Xe tải chuẩn (tải trọng trực theo quy định); Đồng hồ đo độ võng; Tấm đế; Thước đo; Nhiệt kế mặt đường.	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
47.	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng PP con lắc Anh	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96 TCVN 10271: 2014	- Cân, thước, bàn chải, bàn xoa, ống đồng, cát tiêu chuẩn - Con lắc Anh	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
48.	Xác định chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429; BS 1377 part 9-4.3	Kích gia tải, đầu xuyên, đầu nổi, cần nổi...	- Nguyễn Thị Ngọc Lan - Vũ Thị Thanh Thủy

2.1. Danh mục máy móc, thiết bị chính

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
1.	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN, giá trị độ chia (0÷999.99)kN, d = 0.01 kN (1000 ÷ 2000 kN, d = 0.1 kN	01		Tốt

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
2.	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	Phạm vi đo: $0 \div 999$ kN, $d = 0.01$ kN Phạm vi đo: $(1000 \div 2000)$ kN, $d = 0.1$ kN	01		Tốt
3.	Máy đầm proctor tự động	JZ-2D	TCVN 12790:2020	01		Tốt
4.	Cân điện tử	ALC-15A	Phạm vi đo lớn nhất 15kg, $d=0.1$ g	01		Tốt
5.	Cân điện tử	GS622	Phạm vi đo lớn nhất 620 g, $d=0.01$ g	01		Tốt
6.	Kích thủy lực các loại	KN 150 - 150 KN 200 - 200 KN 350 - 350	Phạm vi đo lớn nhất từ 1500 – 2000 - 3500kN, kể (0-60)Mpa	03		Tốt
7.	Đồng hồ đo lực	chỉ thị kim	Phạm vi đo đến 120kN. $d=2$ kN	02		Tốt
8.	Đồng hồ đo lực	chỉ thị kim	Phạm vi đo đến 16kN. $d=0.4$ kN	02		Tốt
9.	Tủ sấy	101-2A 101-2	Nhiệt độ vận hành max 300 °C, độ phân giải 1°C	03		Tốt
10.	Bộ cối chày Proctor cải tiến		Kích thước cối: Đường kính trong 152.4mm, chiều cao 116.43mm Chày đầm nặng 4.54kg Chiều cao rơi: 457mm	03		Tốt
11.	Bộ đo K dao vòng 200 cm ³		Dao đại thể tích 200 cm ³	10		Tốt
12.	Bộ đo K dao vòng lớn		Gồm: Búa 4,5 kg; tay nắm; thanh dẫn hướng; chụp dao vòng; lưỡi dao vòng D97mm x 127mm	10		Tốt
13.	Bộ đo K rót cát		Gồm: Búa, bộ rót cát, đế định vị, đinh cố định	6		Tốt
14.	Bếp gas mini			10		Tốt
15.	Bay xúc			10		Tốt

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượ ng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
16.	Bộ đo môđun đàn hồi E bằng tấm ép cứng		Các tấm ép D33, D34, D46, D61, D76, dày 25 mm	01		Tốt
17.	Bộ đo môđun đàn hồi E bằng cần Benkelman		Cần tỷ lệ 2:1, gồm cần chính và đồng hồ so 10mm x 0.01 mm	04		Tốt
18.	Máy nén CBR vật liệu trong phòng	CBR-1	Công suất 50 kN, tốc độ gia tải 1 mm/phút	01		Tốt
19.	Bộ đo CBR hiện trường		Trung Quốc	01		Tốt
20.	Dụng cụ Vicat		Thiết bị chính vica, các kim vicat; tấm kính; khâu vicat chuẩn 40x70x80 mm	01		Tốt
21.	Kính lúp			01		Tốt
22.	Bộ ống đong các loại		Ống đong thể tích 5ml, 10ml, 25ml, 50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1000ml, 2000ml	20		Tốt
23.	Bộ khuôn các loại		Khuôn đúc mẫu lập phương kích thước 100mm, 150mm, 200mm; khuôn đúc mẫu trụ 150x300 mm, 150x150 mm, khuôn vữa 40x40x160 mm...	30		Tốt
24.	Pipet, buret các loại			15		Tốt
25.	Bình hút ẩm			3		Tốt
26.	Bếp cách thủy			04		Tốt
27.	Bộ côn thử độ sụt		Côn đo độ sụt hình nón cụt cao 300mm, đường kính đáy lớn 200mm, đáy nhỏ 100mm. Que đầm (thanh đầm) Tấm đế	04		Tốt

ST T	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượ ng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
			Thước thép			
28.	Thước các loại			10		Tốt
29.	Bình tỷ trọng thể tích 500 và 1000ml			30		Tốt
30.	Cối sứ, chày			04		Tốt
31.	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm các loại		Kích thước 35x55 mm	400		Tốt
32.	Bộ thí nghiệm độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m		Thước thẳng 3m; Nêm đo khe hở (chêm); Thước lá hoặc thước đo khe	01		Tốt
33.	Cốc thủy tinh các loại		Trung Quốc	40		Tốt
34.	Cốc kim loại		Trung Quốc	25		Tốt
35.	Đũa thủy tinh		Trung Quốc	15		Tốt
36.	Bình chưng cất		Trung Quốc	02		Tốt

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, v.v... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

2.2. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Ghi chú
1	Đặng Văn Phương	Trưởng Trạm thí nghiệm hiện trường	Đại học	- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất hóa học của vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa – vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm, hiện trường	

2	Nguyễn Thị Nga	Thí nghiệm viên	Đại học	- Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng CT giao thông - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và VLXD	
3	Vũ Văn Thắng	Thí nghiệm viên	Đại học	- Thí nghiệm viên Thép – Kim loại, mỗi hàn - Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng CT giao thông - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông – vật liệu bê tông trong phòng thí nghiệm, hiện trường	
4	Mạc Tất Phú	Thí nghiệm viên	Đại học	Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng CT giao thông	

Công ty Cổ phần E.C.C chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)



Ts. Vũ Văn Lợi